

NỮ SĨ HỒ XUÂN HƯƠNG:

MỘT THIÊN TÀI BẤT HẠNH

Nguyễn Quý Đại

Ngồi buồn nhớ chị Xuân Hương

Hồn thơ còn hấy như nhường trêu ai...

Giấc mộng con của Tản Đà

Dân tộc Việt Nam luôn chiến đấu giành độc lập, tự do, mở đầu cuộc khởi nghĩa của chị em Hai Bà Trưng (40-30 trước Công Nguyên) và Bà Triệu (năm 248) để lại những chiến tích oai hùng. Những người không cầm gươm, đao xông pha nơi chiến trận, thì cầm bút đóng góp cho nền văn hóa dân tộc những nhà thơ nữ nổi tiếng như: Đoàn Thị Điểm dịch giả Chinh Phụ Ngâm Khúc của Đặng Trần Côn, Ngọc Hân Công Chúa với Ai Tư Văn...Ngô Chi Lan Ý Lan Phu Nhân, Huyện Thanh Quan, Sương Nguyệt Ánh. Nữ sĩ nổi tiếng một thời được gọi là Bà Chúa Thơ Nôm (1) Hồ Xuân Hương xuất hiện vào Thế Kỷ thứ 18. Giai đoạn đất nước chia đôi hai miền Nam Bắc. Trịnh-Nguyễn phân tranh gọi là Đàng trong Đàng ngoài, lấy sông Linh Giang làm biên giới từ những năm 1627 đến 1772.

Hồ Xuân Hương sinh năm (1772-1822) (2) con ông Hồ Phi Diễn, Làng Quỳnh Đôi, Huyện Quỳnh Lưu Nghệ An. Theo một số tài liệu dẫn chứng: Hồ Sĩ Anh đời Nhà Lê sinh bốn người con trai: Hồ Thế Viêm, Hồ Phi Quyền, Hồ Phi Cơ, Hồ Phi Tích (1665-1734 đậu Hoàng Giáp năm 1700). Hồ Thế Viêm là ông tổ bốn đời của anh em Nhà Tây Sơn đã đổi từ họ Hồ sang Nguyễn, còn Hồ Phi Cơ là ông tổ bốn đời của Hồ Phi Mai tức Nữ Sĩ Xuân Hương. Như vậy Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Hồ Xuân Hương là anh em cùng họ ông tổ năm đời (3)

Hồ Xuân Hương và thân phận

Ông Hồ Phi Diễn thi đỗ Tổng Sinh làm quan cuối thời đại Vua Lê. Ông đã lập gia đình nhưng cưới thêm vợ thứ quê Hải Dương, sinh ra Xuân Hương. Lúc Xuân Hương 13 tuổi thân phụ mất, Xuân Hương rời Làng Khán Xuân theo mẹ về Làng Thọ Xương gần Hồ Hoàn Kiếm, đi học một thời gian phải ở nhà giúp mẹ lo sinh sống gia đình. Xuân Hương tự học thêm, thông minh làm thơ hay, tiếng tăm lừng lẫy. Có Tổng Kinh tên tự Nguyễn Công Hòa tục gọi là Tổng Cóc ở Làng Tứ Xã (nay thuộc Huyện Phong Châu-Vĩnh Phú). Cai Tổng mền tài của Xuân Hương, nhờ người mai mối cưới Xuân Hương làm thứ thiếp. Theo tục truyền chiều 30 Tết, Tổng Cóc đem biếu quà Tết cụ Đồ Xứ bị Hồ Xuân Hương ra câu đối.

Tối ba mươi khếp cánh càn khôn kẻo nữa ma vương đưa quỷ tới

Sáng hôm sau, Tổng Cóc đến làm xong thủ tục xông nhà đọc lại câu đối

Sáng mồng một mở then tạo hóa để cho thiếu nữ rước xuân vào

Có thể Xuân Hương mền mộ chàng trai này có khiêu văn chương ? Nên nhận lời kết hôn với Tổng Cóc. Theo tài liệu của Giáo Sư Lê Trí Viễn (4), "Tổng Cóc không phải là một anh trọc phú, mà là một nho sĩ từng có phen lều chõng như ai và trong sự gặp gỡ Xuân Hương có chuyện chữ nghĩa chứ chẳng phải chỉ có đồng tiền..." Tổng Cóc yêu thương Xuân Hương và từng bảo nàng làm thơ viết vào gỗ để người ta sơn then giữ cho bền, hiện nay tại nhà thờ của ông Kiều Phú, Thôn Đại Đình, Xã Sơn Dương Huyện Phong Châu, Vĩnh Phú còn tám ván mít ghi những nét thơ Nôm của Hồ Xuân Hương. Bút tích còn 4 câu thơ :

Thảo lai bằng ngọc kính

Xuân tận hóa công hương

Độc bằng đan quế thượng

Hào phóng bích hoa hương

Tạm dịch

Nói đến tám gương bằng ngọc

*Hóa công cũng chịu lúc tàn xuân
Chỉ bằng lúc vìn cảnh quế đở
Tha hồ hoa biếc tỏa hương thơm (5)*

Tình yêu giữa hai người không được bao lâu trong hoàn cảnh gia đình mà người chồng yếu đuối, Xuân Hương bản tính nghệ sĩ giao tiếp rộng...không tránh được va chạm hằng ngày trong xã hội phong kiến. “Đau đớn thay phận đàn bà! Kiếp sinh ra thế, biết là tại đâu” Xuân Hương bị gia đình bên chồng đè nén với thân phận làm lẽ. Nên đã phản kháng quyết bỏ nhà ra đi. Thân phận của Xuân Hương cũng như hoàn cảnh của kiếp đàn bà làm lẽ mọn:

*Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lung
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung !
Năm thì mười họa chăng hay chớ
Một tháng đôi lần có cũng không
Cổ ấm ăn xôi, xôi lại hẩm
Cầm bằng làm mướn, mướn không công
Thân này ví biết đường này nhỉ
Thà trước thôi đành ở vậy xong
Ca dao cũng có bài
Tối tối chị giữ mát buồng
Chị cho manh chiếu nằm suông chuồng bò
Mong chồng, chồng chẳng xuống cho
Đến khi chồng xuống gà o o gáy dồn...*

Từ già gia đình Tổng Cóc đi tìm phương trời thơ mộng tự do hơn, vốn người yêu thơ văn lãng mạn muốn vượt qua bức tường nho giáo khắc nghiệt, nhưng không tránh được cái nghiệp tình duyên ngang trái. Xuân Hương lấy ông Phủ Vĩnh Tường, tình yêu được trân quý hơn, nên Xuân Hương làm bài thơ gửi từ “khóc Tổng Cóc”.

*Chàng Cóc ơi ! Chàng Cóc ơi !
Thiếp bén duyên chàng có thể thôi
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.*

Bài, “khóc Tổng Cóc” gây nhiều dư luận trong văn học, những người ở Làng Mương, Làng Giáp nói bài thơ đó là khóc cho mối tình của Xuân Hương, không phải khóc người chồng đã mất, bởi vì Xuân Hương từng khổ đau với hoàn cảnh làm vợ lẽ trong gia đình Tổng Cóc nên dùng những từ ngữ chỉ họ hàng nhà Tổng Cóc nào là nòng nọc đứt đuôi...để giễu lúc Tổng Cóc còn sống, Xuân Hương lập gia đình với ông Phủ Vĩnh Tường cũng trong cảnh lẽ mọn không tránh được cảnh khổ ghen tương cay độc như Hoạn Thư

*Rằng tôi chút dạ đàn bà,
Ghen tuông, thì cũng người ta thường tình
Lòng riêng, riêng cũng kính yêu.
Chồng chung, chưa để ai chiều cho ai*

Kiều của Nguyễn Du

Thời gian chung sống tri ngộ ông Phủ Vĩnh Tường (ở Thổ Tang, Vĩnh Phú bây giờ) tuy làm vợ lẽ nhưng ông Phủ coi nàng là bạn văn chương tình duyên không đến nỗi bề bàng. Nhưng tình nghĩa vợ chồng chỉ trong 27 tháng ông Phủ mất, Xuân Hương đã khóc chồng. Cuộc đời Xuân Hương về tình duyên bất hạnh.

*Trăm năm ông phủ Vĩnh Tường ơi!
Thiếp bén duyên nàng có thể thôi
Chôn chặt văn chương ba thước đất
Ném tung hồ thi bốn phương trời*

*Cán cân tạo hóa rơi đầu mất,
Miệng túi càn khôn thất lại rồi
Hăm bảy tháng trời là mấy chốc,
Trăm năm ông Phủ Vĩnh Tường ơi !*

Cuộc đời Xuân Hương có thể “bảy nổi ba chìm” qua hai đời chồng hy sinh cả đời chịu thân phận làm lẽ mọn, nỗi khổ đau cũng là niềm dang dở cái mối duyên thiên, duyên trời nào có phải là hậu quả oan nghiệt của con người như, “chữ tài liền với chữ tai một vần” !

Thơ và bạn đời

Tập thơ Lưu Hương Ký chú dẫn: Hoan Trung Cổ Nguyệt Đường Xuân Hương Nữ Sĩ Sứ Tập Lưu Hương Ký viết xong năm Giáp Tuất (1814) mãi đến năm 1964 được phát hiện (?). Tên di cảo có nghĩa là ghi mùi hương thơm của ngọc lưu, chữ Lưu này nhắc nơi Xuân Hương sinh ở Huyện Quỳnh Lưu. Trong tập thơ có 30 đầu đề: 24 bài thơ chữ Hán và 28 bài thơ Nôm, phần xướng họa có lần thơ của văn nhân thời bấy giờ để lại số đề tài khúc chiết, nồng nàn yêu đương mong đợi. Ở Cổ Nguyệt Đường do Xuân Hương dựng lên ở Phường Khán Xuân gần Hồ Tây khu vực Vườn Bách Thảo, Trường Bưởi Đường Cổ Ngư Làng Yên Phụ. Tình yêu, tình bạn của Xuân Hương rất nhiều bài gợi cảm, lãng mạn với những văn nhân thi sĩ như (trích dẫn mỗi người một tựa đề):

Thi Hào Nguyễn Du (1765-1820) bài: Cảm Cựu Kiêm Trình Càn Chánh Học Sĩ Nguyễn Hầu

*Dặm khách muôn nghìn nỗi nhớ nhung
Mượn ai tới đấy gửi cho cùng
Chữ tình chốc đã ba năm vẹn
Giấc mộng rồi ra nửa khắc không ?
Xe ngựa trộm mừng duyên tấp nập
Phấn son càng tủi phận long đong
Biết còn mấy chút sương đeo mái
Lầu Nguyệt năm canh chiếc bóng treo...*

Xuân Hương với Tôn Phong hai bài: Ngụ ý đến Tôn Phong Thi v.v...

*Đường hoa diu dặt bước đông phong
Nghĩ kẻ tìm thơm cũng có công
Lạ mặt dám quen, cùng gió nước
Nặng lòng nên nhẹ đến non sông
Da trời nắng nhuộm tươi màu biếc
Phòng gấm trắng in dải thức hồng
Ai nhớ lấy cho lòng ấy nhỉ !
Trước trăm năm hấn nợ chi không ?*

Xuân Hương với Hiệp Trán Sơn Nam Thượng họ Trần Ngọc Quán...

*Vác cấm đàn tao một ngọn cờ
Ấy người thân đấy, phải hay chưa ?
Lắc đầy phong nguyệt lụng bầu rượu
Giắt lỏng giang hồ nửa túi thơ
Đình nguyệt góp người chung đỉnh lại
Trời Hoan mở mặt nước non xưa
Bấy nay tài tử bao nhiêu tá ?
Thèo đành khen ai khéo đạt cho!*

Xuân Hương với Mai Sơn Phủ “Họa thơ Sơn Phủ” bài thơ bằng Hán Văn gợi bạn tỏ lòng quyến luyến nhớ thương. khoảng thời gian (1799-1801)

Này đoạn chung tình biết với nhau

Tiền đưa ba bước cũng nên câu
Trên tay khép mở tanh chiều nhận,
Trước mặt đi về gáp bóng câu
Nước mắt trên hoa là lối cũ,
Mùi hương trong nệm cả đêm thâu
Vắng nhau mới biết tình nhau lắm
Này bạn chung tình biết với nhau...

Xương họa với Chiêu Hồ tức Phạm Đình Hồ (1768-1839) đối thủ với Hồ Xuân Hương

Anh đồ tình, anh đồ say
Sao anh gheo nguyệt giữa ban ngày
Này này chị bảo cho mà biết
Chốn ấy hang hùm chớ mó tay...

Xuân Hương trải qua nhiều kinh nghiệm nhân sinh, nhất là về ái tình để rồi “quang cảnh trong đời chiếc gối mơ!” đời sống phóng túng của Xuân Hương để nhận lấy lời phê bình “tự thán”

Muôn kiếp biết là duyên trọn vẹn
Một đời riêng mấy tiếng chua cay

Sau khi viết xong tập Lưu Hương Ký (1814), bảy năm sau (1822) Xuân Hương mất, nhưng mộ bà được táng ở đâu? Ngày nay vẫn chưa tìm được tung tích, chắc chắn cũng ở quanh Hà Nội? Năm 1842 Tùng Thiện Vương ra thăm cảnh Hồ Tây có làm bài thơ viếng mộ Xuân Hương “Long Biên trúc chi tử” bản dịch ra Việt ngữ của học giả Hoàng Xuân Hãn

Đây hồ rục rở hoa sen
Sai người xuống hái để lên cúng đàn
Chớ trèo qua mộ Xuân Hương
Suối vàng còn giận tở vương lỗ Làng
Sen tàn, phấn rữa mờ hoang
Xuân Hương đã khuất bên làn cỏ xanh
U hồn say tí làm thình
Gió xuân mấy độ thế tình không hay !!

Những nét tiêu biểu trong thơ Hồ Xuân Hương

Hồ Xuân Hương trưởng thành trong giai đoạn lịch sử chiến tranh, ảnh hưởng nặng nề phong kiến “nhất nam viết tử thập nữ viết vô”. Đàn bà ít được đi học ứng thí như đàn ông, may mắn học ít chữ, lấy chồng sanh con lo việc nội trợ. Xuân Hương đã tỏ ra là một thiên tài, làm thơ khẩu khí bị trợt té người ta cười, bà làm ngay hai câu thơ để chữa thẹn:

Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài

Hồ Xuân Hương thông minh, có tài, khá tiếc thay sinh ra phận gái nên cái lỗi lạc của bà thành ra lẳng mạn mà lắm người cho là “lẳng lơ”! Nhưng hãy đọc mấy câu thơ sau của bà, dũng khí như một đấng tu mi nam tử. Khi đi ngang qua miếu Sầm Nghi Đống, bị Vua Quang Trung giết ở Đống Đa mừng 5 tháng Giêng năm Kỷ Dậu 1789. Người Hoa lập miếu thờ, tin đồn miếu linh thiêng nên Xuân Hương đã đề mấy câu thơ:

Ghé mắt trông nghiêng thấy bảng treo
Kìa đền Thái Thú đứng cheo leo
Vị đây đối phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu ?

Dưới xã hội thời phong kiến người ta quan niệm “trai năm thê bảy thiếp, gái chín chuyên chỉ một chồng” Xã hội bất công ! vấn đề đa thê ngày nay không được chấp nhận (ngoại trừ các nước theo Hồi Giáo). Ngày xưa chồng chết vợ phải thủ tiết thờ chồng...Nhưng Xuân Hương đã muốn phá cái phong tục thời đó. Nên lúc sống với ông Phủ Vĩnh Tường, có người góa phụ còn trẻ muốn được tái giá, làm đơn xin Quan Phủ xét, gặp lúc ông Phủ đi vắng, Xuân Hương xem đơn và phê ngay :

*Phó cho con Nguyễn Thị Đào
Nước trong loe lẻo cấm sào chờ ai ?
Chữ rằng xuân bất tái lai
Cho về kiếm chút kéo mai nữa già.*

Những bài thơ tuyệt tác của Xuân Hương được lưu truyền hậu thế qua tập Lưu Hương Ký. Biệt tài thơ Xuân Hương dùng chữ Việt thuần túy, không vay mượn điển tích sáo ngữ, đọc thơ hiểu được nghĩa đen và nghĩa bóng. Đọc thơ Hồ Xuân Hương với tâm hồn nghệ sĩ thực sự phát hiện được những khía cạnh miêu tả rất thẩm mỹ.

Đọc bài “Ngủ quên” như xem bức tranh trạ Hè người thiếu nữ đang ngủ, độc giả có thể liên tưởng đến bức tượng khỏa thân với những đường nét tuyệt vời sống động...cảm thấy rung động nghệ thuật trước hình ảnh đẹp lành mạnh.

*Mùa hè hây hây gió nồm đông
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng
Lược trúc chải cài trên mái tóc,
Yếm đào trễ xuống dưới nương long
Đôi gò Bồng Đảo sượng còn ngậm
Một lạch Đào Nguyên suối chứa thông
Quân tử dùng dằng đi chẳng dứt
Đi thì cũng dở ở không xong.*

Cái đẹp bất cứ ở đâu đều được mọi người yêu chuộng, người trần tục ai thấy hoa đẹp không muốn nhìn ? Từ xưa và nay nhiều phê bình bàn cãi tranh luận, thơ Xuân Hương mang tính chất dâm và tục...Những người yêu thơ Xuân Hương thường hết lời ca tụng xem những sáng tác của Xuân Hương kỳ diệu từ cách dùng chữ chính xác âm điệu kỳ tài...Nhóm khác phê bình thơ mang chất tục sinh lý dè nén “Libido”...Bài thơ đầu đề không được thanh “Dương vật” Hồ Xuân Hương tả rất hay

*Bác mẹ sinh ra vốn chẳng hèn
Ban đêm không mất sáng như đèn
Đầu đội nón da loe chóp đỏ
Lưng đeo bị đạn rử thao đen*

Để có thể thẩm định thế đứng của nhà thơ này, nói về Văn Học không thể đọc một số bài thơ rồi cho là dâm tục có quá đáng chăng?...Bởi vì vấn đề Tình Dục từ Á sang Âu thường được trình bày qua các tác phẩm văn chương, những hình điêu khắc chạm trở trong các Cung Điện, Đền Đài lưu tại từ ngàn năm về trước có những nét đẹp độc đáo như thân thể đàn bà qua những đường cong tuyệt vời, bộ ngực no tròn lồ lộ dưới lớp xiêm y mỏng manh...những tác phẩm đó thể hiện linh động văn hóa, sắc thái mang tính chất diễn tả về nghệ thuật. Mỗi dân tộc văn minh có sinh hoạt văn hóa khác nhau, Nhiều sắc dân họ thờ các bộ phận sinh dục, dân tộc Chăm xây các Tháp theo hình tượng Lingam (dương vật) tình dục được nói đến trong sinh hoạt của con người. Xã hội bình dân xưa không thoát khỏi qui luật dục vọng cá nhân là lẽ sống con người, dục vọng tập thể là lẽ sống của xã hội. Bởi vậy ca dao được truyền tụng trong dân gian.

*Có chồng từ thuở mười lăm.
Chồng chê tôi nhỏ không nằm cùng tôi.*

*Đến chừng mười chín đôi mươi.
Tôi ngủ dưới đất chàng loi lên giường
Một rằng thương, hai rằng thương
Có bốn cẳng giường gãy một còn ba!*

(Ca dao)

Đời sống qua thi ca bình dân, diễn tả trào lộng, vui tươi vốn có trong thực tế không nói xa gần, cái điệu cày hút thuốc người bình dân.

*Lòng em cay đắng quanh năm
Khi ngồi, khi đứng, khi nằm nghênh ngang
Các anh các bác trong Làng
Gặp em thì lại vội vàng nâng niu
Vắng em đau khổ trăm chiều
Tuy rằng cay đắng nhưng nhiều người mê*

(ca dao)

Nổi tiếng như Truyện Kiều diễn tả lại chuyện tình dục trong khuê phòng,

*Đêm xuân một giấc mơ màng
Đuốc hoa để đó, mặc nàng nằm trơ*

Hoặc

*Này con thuộc lấy nằm lòng
Vành ngoài bảy chữ, vành trong tám nghề
Chơi cho liễu chán hoa chê
Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời
Khi khóc hạnh khi nét ngài
Khi ngâm ngợi nguyệt khi cười cợt hoa
Điều là nghề nghiệp trong nhà
Đủ ngần ấy nếp mới là người soi*

Hay Trạng Quỳnh với bài tạ ơn cô hàng bánh

*Đương con nắng cực đói lòng thay
Thét đái ơn cô có bụng này
Giờ biết lấy gì mà tạ lại
Xin quỳ hai gối chống hai tay*

Sinh hoạt xã hội bất kỳ ở tầng lớp nào, dục tính cá nhân vẫn len lỏi vào cuộc sống. Cái khác biệt toàn thể về bản chất không ai giống ai. Hồ Xuân Hương người trần tục nên ca tụng sinh hoạt trần tục và những niềm vui trần tục, đọc thơ Xuân Hương để tiếp nhận cái tinh thần hồn nhiên trong ca dao, tục ngữ. Tôi Không đào sâu cái "tục" trong thơ làm đề tài chính. Thơ Xuân Hương rất sống động tài tình mang tinh hoa khác, đó là một giá trị tồn tại mãi mãi trong lâu đài văn hóa dân tộc. Đọc hai bài thơ sau để so sánh bài Đèo Ngang và Đèo Ba Đội của hai Nữ Sĩ

*Bước tới đèo ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi tiêu vài chú
Lác đác bên sông chợ (rợ) mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc
Thương nhà mỗi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại trời non nước
Một mảnh tình riêng ta với ta*

(Huyện Thanh Quan)

Chúng ta cảm nhận bài thơ ấy hay nhẹ nhàng trang nhã, bài này có 8 câu nhưng vay mượn ý của hai câu chữ Hán

Dạ thính đồ quyên minh quốc quốc

Nhật văn cô điệu khiêu gia gia
Nghĩa là

*Đêm nghe đĩ vũ kêu quốc quốc
Ngày lắng gà rừng gọi gia gia*

Hồ Xuân Hương vịnh Đèo Ba Đội là một bức tranh tả chân đơn sơ

*Một đèo, một đèo lại một đèo
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo
Cửa son đỏ loét tùm lum nóc
Hòn đá xanh rì lún phún rêu
Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc
Đâm đìa lá liễu giọt sương rơi
Hiền nhân quân tử ai là chẳng
Mỗi gói chồn chân cũng muốn trèo*

Bài thơ này đọc qua đọc giả có thể nhận ra ngay đó là Đèo Ba Đội, “một đèo, một đèo lại một đèo” từ màu sắc “cửa son đỏ loét, tùm lum, xanh rì, lún phún, lắt lẻo”...Xuân Hương đã tài tình tạo ra một bức tranh sống động thành hợp tấu kỳ thú, từ âm thanh, màu sắc, nếu đi qua đèo thi độc giả chia sẻ với thi nhân Xuân Hương là một nhạc sĩ tài tình, phối hợp cả âm thanh, màu sắc, không gian lẫn thời gian, tạo những nét đặc sắc, thông thường ít nghe điệp âm “hõm hòm hom, toen hoễn...” trong bài vịnh hang Cốc Cờ

*Trời đất sinh ra đá một chòm
Nứt làm đôi mảnh hõm hòm hom
Kẻ hằm rêu mốc trơ toen hoễn,
Luồng gió thông reo vỗ phập phòm
Giọt nước hữu tình rơi lồm bõm
Con đường vô ngạn tối om om
Khen ai khéo đá tài xuyên tạc
Khéo hớ hênh ra lằm kẻ dòm*

Giọt nước từ những thạch nhũ rơi từng giọt, xuống vũng nước bên dưới lồm bõm, con đường vào hang thiếu ánh sáng. Ngày nay nhờ phương tiện lưu thông thuận lợi, nếu ghé hang Thánh Hóa ở Làng Thụy Khê, Huyện Sài Sơn Tỉnh Sơn Tây (Hà Tây) hang ở hòn núi có Chùa Thầy. Hàng năm có Hội Chùa Thầy mà không vào hang Cốc Cờ thì coi như chưa biết Chùa Thầy. Đến đó sẽ nhớ ngay Nữ Sĩ Xuân Hương ! Là một thiên tài cũng vịnh cảnh Chùa Hương Tích ở Huyện Mỹ Đức Hà Đông rất linh động cảnh trời mây non nước...vào những ngày đầu Xuân, Hội Chùa Hương nhộn nhịp, người tu hành thì ít, kẻ trần tục thì nhiều, muốn lên phải gọi là trèo các bậc thì đúng hơn là đi, chen chân trong động hương khói pha mờ mù sương.

*Người quen cõi Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu tiên mỗi mắt dòm...*

Bài “đánh đu” bức tranh quê sống động hơn, diễn tả cảnh vui xuân náo nhiệt

*Bốn cột khen ai khéo khéo trông
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông
Trai đu gói hạc khom khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng
Bốn mảnh quạt hồng bay phát phới
Hai hàng châu ngọc duỗi song song
Chơi xuân ai biết xuân chẳng tá ?
Cột nhỏ đi rồi, lỡ bỏ không !*

Có thể Hồ Xuân Hương phỏng theo bài thơ trên bài cây đánh đu vốn có trong tập Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập

*Bốn cột lang nha ngắm để trông
À thì đánh cái ả còn ngong
Tế hậu thổ khom khom cật,
Vái hoàng thiên ngựa ngựa long
Tám bức quần hồng bay phát phới,
Hai hàng châu ngọc đứng song song
Chơi xuân hết tấc xuân đường ấy
Nhổ cột đem về để lỗ không.*

Ngày nay ở miền Bắc hội Xuân vẫn còn giữ trò chơi đánh đu, thường những trai gái thích đánh đu như cuộc thi lòng dũng cảm. Khi chàng trai nhún đu, cô gái trong tư thế tay nắm chặt, chân duỗi thẳng, chờ đón độ cao bay bổng. Khi độ cao đã giảm đến lượt cô gái nhún, chàng trai lại chờ đón...tất cả phải nhịp nhàng, khỏe mà mềm mại bay cao ung dung, vẻ đẹp càng hiện rõ hình thể bên ngoài...gối hạc, lưng ong, ngựa ngựa lòng, phát phới, song song.

Xuân Hương đã khéo tài tình dùng điệp khúc

Qua ca dao Việt Nam cũng có nhiều bài truyền tụng rất là "tục" như cái vịnh cái quạt

*Rành rành ba góc rành rành
Khi khép nhỏ lại, khi vành to ra
Khi vui thì sướng thay là
Khi buồn thì nước chảy ra rì rì...*

Hồ Xuân Hương tả cái quạt duyên dáng hơn có tính cách tương tự như ca dao tục ngữ hài hước, tả cái quạt có nhiều nan được bồi bằng giấy với hình dáng xòe ra để quạt cho mát, bất cứ ở đâu, khi mưa có thể che đầu, khi xếp lại những nếp giấy chồng lên vẫn còn thừa.

*Một lỗ sâu sâu mấy cũng vờ
Duyên em dính dáng tựa bao giờ
Chành ra ba góc da còn thiếu
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa
Mát mặt anh hùng khi nắng gió,
Che đầu quân tử lúc sa mưa
Nâng niu ướm hỏi người trong trướng
Phi phạch trong lòng đã sướng chưa...*

Ngành tiểu công nghệ dệt vải thời xưa mỗi gia đình ở thôn quê, thường trồng cây bông, nuôi tầm ươm tơ làm lụa tự dệt may sắm áo quần. Ban ngày làm việc đồng áng, đêm về dệt vải với dụng cụ đơn giản cái khung cửi, hai ống trục, một bộ go, hai cái lược, một đôi guốc con suốt, con thoi (con cò bằng gỗ). Xuân Hương tả đêm cô gái dệt vải, mà phẩm chất vải tốt không phai màu phải ngâm lâu

*Thắp đèn lên thấy trắng phau
Con cò mấp máy suốt đêm thâu
Hai chân đạp xuống năng năng nhấc
Một suốt đâm ngang thích thích mau
Rộng hẹp nhỏ to vừa vặn cả
Ngắn dài khuôn khổ cũng như nhau
Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ
Chờ đến ba thu mới dải màu*

Chùa Quán Sứ được xây dựng từ Thế Kỷ thứ 17 nằm ở phố cũng mang tên Quán Sứ Hà Nội, Phật Giáo vào thời Xuân Hương suy thoái, thời nào cũng có người núp dưới chiếc áo cà sa...Xuân Hương đã nghi ngờ về Chùa Quán Sứ trong cảnh vắng teo

Quán sứ sao mà cảnh vắng teo
Hỏi thăm sự cụ đáo nơi nao
Chày kình, tiểu để sông không đấm
Tràng hạt, vãi lần đếm lại đeo
Sáng banh không kẻ khoa tang mít
Trưa trật nào ai móc kẻ râu
Cha kiếp đường tu sao lắt léo
Cảnh buồn thêm chán nợ tình đeo

Hay qua bài

Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe
Giọng hi, giọng hĩ, giọng hi ha
Tu lâu có lẽ lên sự cụ
Ngất ngểu toà sen nợ đó mà

Người đời nhớ Xuân Hương ở tiếng cười phá phách, nhưng trong lòng Xuân Hương mang nặng những niềm đau...trong đó khối tình của Xuân Hương nặng như đá, với những tâm sự thể thái nhân tình làm rung động sâu thẳm cõi lòng người.

Gan nghĩa giải ra cùng nhật nguyệt
Khối tình cọ mãi với non sông
Đá kia còn biết xuân già dặn
Chả trách người ta lúc trẻ trung
(Đá ông chồng, đá bà chồng)

Hoặc qua bài tình tự

Canh khuya vắng vắng trống canh dồn
Trơ cái hồng nhan với nước non
Chén rượu hương đưa đưa say lại tỉnh
Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn !
Xiên ngang mặt đất rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn
Ngán nỗi xuân đi, xuân lại lại
Mảnh tình san sẻ tí con con.

Xuân Hương vịnh Bánh Trôi Nước quen thuộc của người bình dân. Thân em ở đây (Xuân Hương) hay là thân phận đàn bà dưới thời phong kiến lấm lặn đận ? Nhưng tấm lòng được tôn trọng

Thân em trắng phận em tròn
Bảy nổi ba chìm với nước non
Lớn nhỏ mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son

Hồ Xuân Hương có phong cách riêng tiêu biểu cho thái độ tự nhiên tràn đầy tình cảm trong sáng, thơ Hồ Xuân Hương rất bình dân, duyên dáng giàu khả năng gợi cảm, gợi tình, chứa chan tình tự và cảm khoái, không dùng hán tự điển tích. Bà có biệt tài sử dụng điệp khúc, âm điệu và tiết tấu, thích hợp với từng ý, từng hoàn cảnh. Dù muốn chê hay khen, đọc thơ Xuân Hương cảm thấy cái vui vui xen lẫn vào hồn, cái hay trong thơ Xuân Hương rất tuyệt vời, nhưng bài viết giới hạn không thể trình bày và trích giải hết được...Hồ Xuân Hương là nhà thơ độc đáo có một không hai trong Văn Học Sử Việt Nam...

Nguyễn Quý Đại

Chú Thích:

1.- Chữ Nôm có vai trò nổi bật trong sáng tác văn chương. Mặc dù văn nhân, thi sĩ mọi thời đều đã dùng chữ Hán làm thơ, viết truyện, nhưng chỉ có với chữ Nôm, người Việt mới tạo nên những tác phẩm bất hủ. Tập thơ Nôm có niên đại sớm nhất

Văn Học Việt Nam qua các thời đại, chữ Hán các tiền nhân viết những tập truyện ngắn và tiểu thuyết văn xuôi, còn với chữ Nôm gần như các cụ chỉ làm thơ. Sở trường và thành công bằng hai thể thơ giàu dân tộc tính này, vào cuối Thế Kỷ XVII và đầu Thế Kỷ XIX Văn Học cổ điển Việt Nam có những tác phẩm xuất sắc khiến thế giới phải biết đến là Chinh Phụ Ngâm Khúc của Đoàn Thị Điểm (1705-1748). Truyện Kiều (Đoạn Trường Tân Thanh) của Nguyễn Du (1766-1820). Chúng ta còn các tên tuổi sáng giá khác nữa từ Thế Kỷ XVII đến đầu Thế Kỷ XX như: Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Gia Thiều, Phạm Thái, đặc biệt thơ của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Công Trứ, Trần Tế Xương v.v... Chính nhờ ở những tác giả này, tiếng Việt hấp thụ hai nguồn văn tự là chữ Hán và văn tự văn hóa dân gian, chữ Nôm để trở thành một ngôn ngữ văn học sáng chói và giàu sức diễn đạt

2.- Được dẫn chứng trong Hồ Quỳnh Gia Phả gia phả họ Hồ ở Quỳnh Lưu. Nhưng tác giả Lê Xuân Sơn viết trong tập "Hồ Xuân Hương thơ và đời viết" Hồ Xuân Hương con ông Hồ Sĩ Danh (1706-1783) em cùng cha khác mẹ với Hồ Sĩ Đống (1738-1786) là một vị quan đầu triều thời Chúa Trịnh ?

3.- Những Kỳ Án trong Việt Sử, tác giả Trần Gia Phụng

4.- Hồ Xuân Hương thơ và cuộc đời, trang 206, nhà xuất bản văn học.

5/ Theo phóng sự Hồ Xuân Hương và Tổng Cóc (Nguyễn Hữu Thanh)
Tài liệu đọc thêm: Hồ Xuân Hương Toàn Tập của Giáo Sư Ngô Lăng Vân. Nghĩ Về Thơ Hồ Xuân Hương của Giáo Sư Lê Trí Viễn, Nguyễn Đức Quỳnh...

THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG

Chợ Trời

Khen thay con Tào khéo trêu người.
Bày đặt ra nên cảnh chợ Trời!
Buổi sớm gió đưa, trưa nắng đứng,
Ban chiều mây hạp, tối trăng chơi.
Bày hàng hoa quả tư mùa sẵn,
Mở phố giang sơn bốn mặt ngồi.
Bán lợi, buôn danh nào nhường kẻ,
Chẳng nên mặc cả một đôi lời.

Đánh Đu

Tám cột khen ai khéo khéo trồng,
Người thì lên đánh, kẻ ngồi trông.
Trai đu gói hạc khom khom cột,
Gái uốn lưng ong ngửa ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phát phới.
Hai hàng chân ngọc duỗi song song.
Chơi xuân ai biết xuân chẳng tái!
Cột nhỏ đi rồi, lỗ bỏ không.

Bánh Trôi Nước

Thân em vừa trắng, lại vừa tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Lớn nhỏ mặc dù tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Đền Thái Thú

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đền Thái Thú đứng cheo leo.
Ví đây đổi phận làm trai được,
Sự nghiệp anh hùng há bấy nhiêu.

Đền Trấn Quốc

Ngoài cửa hành cung cỏ dãi dầu,
Chạnh niềm cố quốc nghĩ mà đau!
Một tòa sen lạt hơi hương ngự,
Năm thức mây phong điểm áo châu.
Sóng lớp phé hưng coi vẫn rộn.
Chuông hồi kim cổ lắng càng mau.
Người xưa, cảnh cũ đâu đâu tá?
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu.

Đồng Tiền Hoãn

Cũng lò cũng bể, cũng cùng than,
Mở mặt vuông tròn với thế gian.
Kém cạnh cho nên mang tiếng hoãn,
Đủ đồng ắt cũng đóng nên quan.

Động Hương Tích

Bày đặt đá ai khéo khéo phòm,
Nứt ra một lỗ hòm hòm hom,
Người quen cõi Phật chen chân xọc,
Kẻ lạ bầu tiên mỗi mắt dòm
Giọt nước hươu tình rơi thánh thót,
Con thuyền vô trạo cú lom khòm
Lam tuyền quyết cả phồn hoa lại,
Rõ khéo trời già để đỡ dom

Đánh Cờ

Chàng với thiếp đêm khuya trần trọc,
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ người.
Hẹn rằng đấu trí mà chơi,
Cấm ngoại thủy không ai được biết.
Nào tướng sĩ dàn ra cho hết,
Để đôi ta quyết liệt một phen.
Quân thiếp trắng, quân chàng đen,
Hai quân ấy chơi nhau đã lửa.
Thoạt mới vào chàng liền nhảy ngựa,
Thiếp vội vàng vén phứa tịn lên.
Hai xe hà, chàng gác hai bên,
Thiếp thấy bí, thiếp liền ghềnh sĩ.
Chàng lừa thiếp đương khi bất ý,
Đem tốt đầu dú dí vô cung,
Thiếp đang mắc nước xe lồng,
Nước pháo đã nổ ùng ra chiếu.
Chàng bảo chịu, thiếp rằng chẳng chịu

Thua thì thua quyết níu lấy con.
Khi vui nước nước non non,
Khi buồn lại giờ bàn son quân ngà

Đèo Ba Dội

Một đèo, một đèo, lại một đèo,
Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.
Cửa con đỏ loét tùm hum nóc,
Hòn đá xanh rì lún phún rêu.
Lát lẽ cành thông cơn gió thốc,
Đầm đìa lá liễu giọt sương gieo.
Hiền nhân quân tử ai là chẳng
Mỏi gối chồn chân vẫn muốn trèo.

(1) Đèo Ba Dội hay Ba Đèo tên chữ là Đèo Tam Điệp, thuộc Huyện Tống Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

Ốc Nhồi

Bác mẹ sinh ra phận ốc nhồi,
Đêm ngày lặn lóc đấm cỏ hôi.
Quân tử có thương thì bóc yếm,
Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi.

Bọn Đò Dốt

Dắt díu nhau lên đến cửa chiến,
Cũng đòi học nói, nói không nên.
Ai về nhấn bảo phùng lời tói,
Muốn sống, đem vôi quét trả đền

Bà Lang Khóc Chồng

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc gì ?
Thương chồng nên khóc tỉ tỉ.
Ngọt bùi, thiếp nhớ mùi cam thảo,
Cay đắng, chàng ơi, vị quế chi.
Thạch nữ, trần bì, sao để lại,
Quy thân, liên nhục, tấm mang đi.
Dao cầu, thiếp biết trao ai nhỉ ?
Sinh kỳ, chàng ơi, tử tắc quy.

Cảnh Làm Lễ

Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lòng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung!
Năm thì mười họa, nên chăng chớ,
Một tháng đôi lần, có cũng không...
Cổ đấm ăn xôi, xôi lại hổng,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.
Thân này ví biết đường này nhỉ,
Thà trước thôi đành ở vậy xong.

Cảnh Thu

Thánh thót tàu tiêu mấy hạt mưa,

Khen ai khéo vẽ cảnh tiêu sơ,
Xanh ôm cổ thụ tròn xoe tán,
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ.
Bầu dốc giang sơn say chấp rượu.
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.
Ơ hay, cánh cượng ư người nhĩ,
Ai thấy, ai mà chẳng ngẩn ngơ.

Cái Quạt Giấy

I
Một lỗ sâu sâu mấy cũng vừa,
Duyên em dính dáng tự ngàn xưa.
Vành ra ba góc da còn thiếu,
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mát mặt anh hùng khi tắt gió,
Che đầu quân tử lúc sa mưa.
Nâng niu ướm hỏi người trong trướng,
Phỉ phạch trong lòng đã sướng chưa ?

II
Mười bảy hay là mười tám đây ?
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay.
Mỏng dầy chừng ấy chành ba góc,
Rộng hẹp dường nào cấm một cây.
Càng nóng bao nhiêu càng muốn mát,
Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày.
Hồng hồng má phấn duyên vì cậy,
Chứa dẫu vua yêu một cái này.

Chơi Đền Khán Xuân

Êm ái chiều xuân tới khán đài,
Lâng lâng chẳng bợn chút trần ai !
Bà hồi triều mộ chuông gầm sóng,
Một vương tang thương nước lộn trời.
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá,
Cực lạc là đây chín rở mười.

Chữ Hoang

Cả nể cho nên hóa dở dang,
Nổi niềm có thấy hỡi chằng chàng ?
Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc,
Phận liễu sao đành nẩy nét ngang
Cái nghĩa trăm năm chàng nhớ chữa ?
Mảnh tình một khối thiếp xin mang.
Quản bao miệng thể lời chệnh lệch,
Không có nhưng mà có mới ngoan.

Chùa Hương

Bầy đặt kìa ai khéo khéo phòm,

Nứt ra một lỗ hòm hòm hom.
Người quen cõi Phật chen chân xọc,
Kẻ lạ bầu tiên mỗi mắt dòm.
Giọt nước hữu tình rơi thánh thót,
Con thuyền vô trạo cúi lom khom.
Lâm tuyền quyến cả phồn hoa lại,
Rõ khéo trời già đến đỡ dom.

Chùa Quán Sứ

Quán sứ sao mà cảnh vắng teo,
Hỏi thăm sự cụ đáo nơi neo ?
Chày kinh tiểu để sông không đấm,
Tràng hạt vãi lần đếm lại đeo.
Sáng banh không kẻ khua tang mít,
Trưa trật nào người móc kẻ râu.
Cha kiếp đường tu sao lắt léo,
Cảnh buồn thêm ngán nợ tình đeo.

Chùa Xưa

Thầy tứ thung dung dạo cảnh chùa,
Thơ thì lưng túi, rượu lưng hồ.
Cá khe lẳng kệ, mang nghi ngóp,
Chim núi nghe kinh, cổ gặt gù.
Then cửa tử bi chen chặt cánh,
Nén hương tế độ cấm đầy lò.
Nam mô khế hỏi nhà sư tí,
Phúc đức như ông được mấy bò ?
Quán Nước Bên Đường
Đứng tréo trông theo cảnh hắt heo,
Đường đi thiên thẹo, quán cheo leo.
Lọp lều, mái cỏ tranh xơ xác,
Xỏ kẻ, kèo tre đốt khăng kheo.
Ba trạc cây xanh hình uốn éo,
Một dòng nước biếc, cỏ leo teo.
Thú vui quên cả niềm lo cũ,
Kìa cái điều ai thả lộn lèo.

Con Cua

Em có mai xanh, có yếm vàng,
Ba quân khiêng kiệu, kiệu nghênh ngang.
Xin theo ông Khổng về Đông Lỗ,
Học thói Bàn Canh nấu chín Thang.

Dệt Vải

Thấp ngọn đèn lên thấy trắng phau,
Con cò mấp máy suốt đêm thâu.
Hai chân đạp xuống năng năng nhấc,
Một suốt đằm ngang thích thích mau.
Rộng, hẹp, nhỏ, to, vừa vắn cả.
Ngắn, dài, khuôn khổ cũng như nhau.

Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ,
Chờ đến ba thu mới dải màu.

Dỗ Bạ Khóc Chồng

Văng vẳng tai nghe tiếng khóc chồng.
Nín đi kéo thẹn với non sông.
Ai về nhắn nhủ đàn em nhé.
Xấu máu thì khem miếng đỉnh chung.

Duyên Kỳ Ngộ

Nghìn dặm có duyên sự cũng thành,
Xin đừng lo lắng hết xuân xanh.
Tắc gang tay họa thơ không dứt,
Gần gũi cung dương lá vẫn lành.
Tên sẵn bút đề dường chính chệch,
Trống mang dùi cấp đã phanh phanh.
Tuy không thả lá trôi dòng ngự,
Chim tới vườn đào thế mới xinh.

Giếng Nước

Ngõ sâu thăm thẳm tới nhà ông,
Giếng ấy thanh tân, giếng lạ lòng.
Cầu trắng phau phau đôi ván ghép,
Nước trong leo lẻo một dòng thông!
Cỏ gà lún phún leo quanh mép,
Cá giếc le te lách giữa dòng.
Giếng ấy thanh tân ai đã biết ?
Đố ai dám thả nạ rỗng rỗng

Giểu Quan Hậu

Tình cảnh ấy, nước non này,
Dẫu không Bồng Đảo cũng tiên đây.
Hoành Sơn mực điểm đôi hàng nhận,
Thúy lĩnh đen trùn một thức mây.
Lấp ló đầu non vừng nguyệt chéch,
Phát phơ sườn núi lá thu bay.
Hỡi người quân tử đi đâu đó ?
Đến cảnh sao mà đứng lợm tay.

Già Kén Kẹn Hom

Bụng làm dạ chịu trách chi ai,
Già kén kẹn hom ví chẳng sai.
Tiếc đĩa hồng ngâm cho chuột vọc,
Thừa mâm bánh ngọt để ngâu vầy.
Miệng khôn tròn đại đừng than phận,
Bụng ỏng lưng eo chớ trách trời!
Đừng đứng núi này trông núi nọ,
Đói lòng nên mới phải ăn khoai.

Hỏi Cô Hàng Sách

Cô hàng lấy sách cấp ra đây!
Xem thử truyện nào thú lại say.
Nữ tú có bao xin xếp cả,
Phượng hoa phỏng liệu có còn hay...?
Tuyển phu mặc ý tìm cho kỹ,
Chinh phụ thế nào bán lấy may.
Kỳ ngộ bích câu xin tiện hỏi,
Giá tiền cả đó tính sao vay.

Hỏi Trăng

Trái mấy thu nay vẫn hãy còn,
Cớ sao khi khuyết lại khi tròn.
Hỏi con bạch thỏ đã bao tuổi,
Hỏi chị Hằng Nga đã mấy con ?
Đêm tối cớ chi soi gác tía ?
Ngày xanh còn thẹn với vừng son.
Năm canh lơ lửng chờ ai đó ?
Hay có tình riêng với nước non ?

Hang Các Cớ

Trời đất sinh ra đá một chòm,
Nứt làm hai mảnh hòm hòm hom.
Kể hầm rêu mốc trơ toen hoئن,
Luồng gió thông reo vỗ phập phòm.
Giọt nước hữu tình rơi lổm bổm,
Con đường vô ngạn tối om om.
Khen ai đẽo đá, tài xuyên tạc,
Khéo hớ hênh ra lắm kẻ dòm.

Hang Thanh Hóa

Khen thay con tạo khéo khôn phàm,
Một đố dương ra biết mấy ngoàm.
Lườn đá cỏ leo, rờ rậm rạp.
Lách khe nước rỉ, mó lam nham.
Một sư đầu trọc ngồi khua mõ,
Hai tiểu lụng tròn đứng giữ am.
Đến mới biết rằng hang Thanh Hóa,
Chồn nhân, mỗi gói, hãy còn ham.

Kiếp Tu Hành

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo,
Vậy mà chút tẻo tèo teo
Thuyền cừ cương muốn về Tây Trúc
Trái gió cho nên phải lộn leo.

Mời Ăn Trà

Quả cau, nho nhỏ, miếng trà ôi,
Này của Xuân Hương đã quệt rồi.
Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đừng xanh như lá, bạc như vôi.

Nhà Sư

Chẳng phải là Ngô, chẳng phải ta,
Đầu thì trọc lốc, áo không tà.
Oản dưng trước mặt, năm ba phẩm,
Vãi mọp sau lưng, bảy tám bà.
Khi cảnh, khi tiu, khi chũm chọe,
Giọng hì, giọng hí, giọng hi ha.
Tu lâu có lẽ lên sư cụ,
Ngất ngểu tòa sen nọ đó mà!

Quả Mít

Thân em như quả mít trên cây
Da nó xù xì, múi nó dày
Quân tử có thương thì đóng cọc,
Xin đừng mân mó, nhựa ra tay

Qua Kẽm Trống

Hai bên thì núi, giữa thì sông,
Có phải đây là kẽm Trống không ?
Gió đập cành cây khua lác cắc,
Sóng dồn mặt nước vỗ long bong.
trong hang đá hơi còn hẹp,
Ra khỏi đầu non đã rộng thùng.
Qua cửa mình ơi, nên ngắm lại,
Nào ai có biết nổi bụng bồng.

Quan Thị

Mười hai bà mụ ghét chi nhau ?
Đem cái xuân tình vứt bỏ đâu ?
Rúc rích thầy cha con chuột lắt,
Vo ve mặc kệ cái ong bầu.
Đố ai biết được vòng hay chóc,
Còn kẻ nào hay cuống với đầu.
Thôi thế thì thôi, thôi cũng được,
Nghìn năm khỏi bị tiếng nương dâu.

Sư Bị Làng Đuối

Cái kiếp tu hành nặng đá đeo,
Vị gì một chút tèo tèo teo.
Thuyền từ cũng muốn về Tây Trúc,
Trái gió cho nên phải lộn lèo.

Sư Bị Ong Châm

Nào nón tu lờ, nào mũ thâm,
Đi đâu chẳng đội để ong châm.
Đầu sư há phải gì bà cốt,
Bá ngọc con ong bé cái lằm.

Tự Tình

I

Canh khuya vắng vắng trống canh dồn.
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa, say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế, khuyết chưa tròn.
Xuyên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con.

II

Tiếng gà vắng vắng gáy trên bom,
Oán hận trông ra khắp mọi chòm.
Mỡ thắm không thua mà cũng cóc,
Chuông sậu chẳng đánh có sao om ?
Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ,
Sau giận vì duyên để mồm mòm.
Tài tử, văn nhân ai đó tá ?
Thân này đâu đã chịu già tom.

III

Chiếc bánh buồn vì phận nỗi nhen,
Giữa dòng ngao ngán nỗi lênh đênh.
Lưng khoang tình nghĩa dường lai láng,
Nửa mạn phong ba luống bập bênh.
Cầm lái mặc ai lăm đổ bến,
Giọng lèo thây kẻ rắp xuôi ghềnh.
Ấy ai thăm ván cam lòng vậy,
Ngán nỗi ôm đàn những tập tênh.

Tát Nước

Đang cơn nắng cực chửa mưa tề,
Rủ chị em ra tát nước khe.
Lẽo đẽo chiếc gàu ba góc chụm,
Lênh đênh một ruộng bốn bờ be.
Xi xòm đáy nước mình nghiêng ngửa,
Nhấp nhòem bên bờ dít vắt ve.
Mải miết làm ăn quên cả mệt,
Dang bang một lúc đã đầy phe.

Thương

Há dám thương đâu kẻ có chồng,
Thương vì một nỗi hầy còn không.
Thương con cuộc rữ kêu mùa Hạ,
Thương cái bè non giạt bể Đông.
Thương cha mẹ nhện vương tơ lưới,
Thương vợ chồng Ngâu cách mặt sông.
Ấy thương quân tử thương là thế,
Há dám thương đâu kẻ có chồng.

Thiếu Nữ Ngủ Ngày

Mùa hè hây hẩy gió nồm đông,
Thiếu nữ nằm chơi quá giấc nồng.
Lược trúc chải cài trên mái tóc,
Yếm đào trễ xuống dưới nương long.
Đôi gò Bồng đảo sương còn ngậm,
Một lạch Đào nguyên nước chứa thông.
Quần tử dùng dằng đi chẳng dứt,
Đi thì cũng dở, ở không xong.

Tranh Hai Tố Nữ

Hỏi bao nhiêu tuổi hỏi cô mình ?
Chị cũng xinh mà em cũng xinh.
Đôi lúa như in tờ giấy trắng,
Nghìn năm còn mãi cái xuân xanh.
Phiếu mai chi dám tình trăng gió,
Bồ liễu thôi đành phận mỏng manh.
Còn thú vui kia sao chẳng thấy,
Trách ông thợ vẽ khéo vô tình!